TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-10-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Hóa

Ông Vũ Văn Lẫy.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Tâm – Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 849/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/9/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 906/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/10/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N,

Địa chỉ: Tổ 3, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn T,

Địa chỉ: Tổ 3, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2018, tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn T làm thủ tục cưới theo phong tục tập quán và về chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng đến ngày 14/11/2013 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng. Trước khi kết hôn chị và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống tại Tổ 3, phường Q, quận K, thành

phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợi chông luôn bất đồng về quan điểm sống, kinh tế khó khăn, anh T mắc vào tệ nạn xã hội nghiện ma túy, gia đình đã nhiều lần cho anh T đi cai nghiện nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng nên chị đã chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại Thái Bình và sống ly thân anh N từ năm 2014 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, không thể hàn gắn đoàn tụ được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh Đặng Văn T có 01 con chung là Đặng Hải Đ, sinh ngày 13/4/2012. Từ năm 2014 chị và anh T sống ly thân đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nay ly hôn chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Hải Đ đến khi trưởng thành và không yêu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với anh Đặng Văn T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh T và không tiến hành hòa giải được. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại Biên bản xác minh, Hội phụ nữ và Tổ dân phố - tổ 3, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng cung cấp: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2013. Trong quá trình chung sống vợ chống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy, kinh tế gia đình khó khăn. Năm 2015 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị N đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở, còn anh T vẫn ở tại địa phương. Chị N và anh T có 01 con chung là Đặng Hải Đ; về tài sản chung, công nợ chung Hội phụ nữ và Tổ dân phố không nắm được.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, các bản tự khai; chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T và xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Hải Đ đến khi trưởng thành, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227;

Điều 228; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mực thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn T; về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Hải Đ đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung của vợ chồng. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thẩm quyền giải quyết:

[1] Ngày 04 tháng 7 năm 2018 chị Nguyễn Thị N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận K, chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Đặng Văn T, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ 3, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng, yêu cầu giải quyết về nuôi con khi ly hôn. Tranh chấp này được Tòa án nhân dân quận K thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tố tụng:

[2] Anh Đặng Văn Thinh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Đặng Văn T đều vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Đặng Văn T.

- Về quan hệ pháp luật:

[3] Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58/2013 ngày 14/11/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về hôn nhân:

[4] Trong quá trình chung sống chị N và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm, kinh tế gia đình khó khăn, anh T không chịu làm ăn lo cho gia đình, vợ, con mà lại mắc vào tệ nạn xã hội nghiện ma túy dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N và anh T đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, trong thời gian dài sống ly thân chị N và anh T không có biện pháp tháo gỡ mâu thuẫn mà để mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kéo dài. Tòa án đã nhiều lần khuyên chị N rút đơn về đoàn tụ nhưng chị N vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T; Tòa án nhiều

lần triệu tập anh T để giải quyết việc chị N có đơn xin ly hôn anh T và tiến hành hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ tình cảm giữa chị N và anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên cùng không có ý thức đoàn tụ. Tại phiên tòa chị N vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị N được ly hôn anh T. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp pháp luật cần được chấp nhận.

- Về con chung:

[5] Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn T có 01 con chung là Đặng Hải Đ, sinh ngày 13/4/2012. Trong thời gian chị N và anh T sống ly thân, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Hải Đ. Từ khi chị N và anh T sống ly thân đến nay con chung vẫn ở ổn định cùng chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị N có nguyện vọng xin được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung cho đến khi trưởng thành là phù hợp pháp luật, phù hợp thực tế đây cũng là quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận K cần chấp nhận. Nếu sau khi ly hôn chị N, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau khi ly hôn chị N, anh T có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về tài sản chung:

[7] Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Nếu sau khi ly hôn chị N, anh T có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí:

[8] Chị Nguyễn Thị Nham phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Hải Đ, sinh ngày 13/4/2012 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu sau khi ly hôn chị N, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng, về tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0010157 ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị N đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo Bản án: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Đặng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- THADS quận K;
- UBND phường Q;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Chính **Vũ Văn Lẫy** **Nguyễn Thị Lan Hương**